



Original Article

Establishing a circular economy: Policies, results, and some recommendations for Vietnam

Dang Quynh Nhu¹, Dinh Quang Huy^{2,*}

¹*Foreign Trade University*

No. 91 Chua Lang Street, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

²*Kien Giang Investment, Trade and Tourism Promotion Center*

No. 222-224 Tran Phu, Rach Gia City, Kien Giang Province, Vietnam

Received: January 30, 2023

Revised: June 1, 2023; Accepted: June 25, 2023

Abstract: This article aims to clarify issues related to the circular economy, such as concept benefits, and why there is a need to transform to a circular economy model. Using a qualitative method with secondary data and information collected from reputable sources, the paper analyzes practical policies on the circular economy adopted by many countries and businesses around the world to reduce costs, maximize profits, and minimize negative impacts on the environment. The paper suggests a number of policy proposals in building legal frameworks, policies, strategic orientations, and development strategy for Vietnam to transform to a circular economy.

Keywords: Circular economy, policy, Vietnam.

* Corresponding author

E-mail address: dqhuy.kitra@gmail.com

<https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.220>

Copyright © 2023 The author(s)

Licensing: This article is published under a CC BY-NC 4.0 license

Xây dựng nền kinh tế tuần hoàn: Chính sách, kết quả thực tiễn tại một số quốc gia và gợi ý chính sách cho Việt Nam

Đặng Quỳnh Như¹, Đinh Quang Huy^{2,*}

¹Trường Đại học Ngoại thương

Số 91 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

²Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang

Số 222-224 Trần Phú, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Nhận ngày 30 tháng 1 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 1 tháng 6 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2023

Tóm tắt: Bài viết làm rõ các nội dung liên quan đến nền kinh tế tuần hoàn như khái niệm, lợi ích và sự cần thiết phải chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn. Sử dụng phương pháp định tính, các dữ liệu, thông tin được thu thập thứ cấp từ các nguồn đáng tin cậy, bài viết hướng tới phân tích các chính sách thực tiễn về nền kinh tế tuần hoàn đã và đang được nhiều quốc gia, doanh nghiệp trên thế giới áp dụng nhằm giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận, góp phần giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường. Từ đó, bài viết đưa ra một số đề xuất chính sách về xây dựng khung pháp lý, chính sách và định hướng chiến lược phát triển cho Việt Nam trong thời gian tới để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn.

Từ khóa: Nền kinh tế tuần hoàn, chính sách, Việt Nam.

1. Mở đầu

Trong thời gian gần đây, nền kinh tế tuần hoàn (KTTH) đã trở thành xu hướng phát triển tất yếu của các quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, xây dựng nền KTTH đã được đưa vào định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 tại Đại hội XIII của Đảng. Đây là lần đầu tiên mô hình KTTH được nhắc tới trong các văn kiện Đại hội.

Hiện tại, các nghiên cứu trong nước về nền KTTH còn hạn chế về số lượng, chủ đề cũng như sự đa dạng trong cách tiếp cận. Cụ thể, Lan (2018) chỉ ra vai trò quan trọng của nền KTTH trong chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam. Đap (2021) nghiên cứu việc áp dụng khái niệm này tại Việt Nam khi gợi ý một số vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình KTTH. Quy (2021) và Phong (2022) phân tích một số trường hợp triển khai mô hình này trên thế giới và đưa ra kinh

nghiệm học tập cho Việt Nam. Tuy nhiên, hai nghiên cứu này chọn Hoa Kỳ, Thụy Điển và Liên minh Châu Âu làm ví dụ để phân tích. So sánh với Việt Nam, các quốc gia này có sự khác biệt về xuất phát điểm nền kinh tế trước chuyển đổi cũng như các đặc trưng về văn hóa, chính trị, xã hội. Vì thế, việc nghiên cứu thêm về các nền kinh tế đang phát triển trong khu vực châu Á là cần thiết. Bài viết này giải quyết được vấn đề đó khi lựa chọn các trường hợp điển hình từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản, nơi có những nét tương đồng về văn hóa - xã hội với Việt Nam, đồng thời đã và đang gặp các vấn đề tương tự Việt Nam do ảnh hưởng của phát triển nhanh về kinh tế. Từ phân tích về các quốc gia này, bài viết rút ra gợi ý cho các nhà hoạch định chính sách tại Việt Nam.

Bài viết được kỳ vọng sẽ đóng góp vào cơ sở lý luận về nền KTTH và nhấn mạnh được lợi ích của mô hình kinh tế mới này. Hơn nữa, việc đưa ra các bài học về chính sách trong quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế tại các quốc gia châu Á sẽ là căn cứ để đưa ra một số gợi ý nhằm hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế bền vững cho Việt Nam.

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: dqhuy.kitra@gmail.com

<https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.220>

Bản quyền © 2023 (Các) tác giả

Bài báo này được xuất bản theo CC BY-NC 4.0 license.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm nền kinh tế tuần hoàn

Thuật ngữ nền KTTH lần đầu tiên được nêu ra trong nghiên cứu của Walter (1980) với tên gọi là “self-replenishing system”, bao gồm 4R là Reuse - Tái sử dụng, Repair - Sửa chữa, Reconditioning - Hồi phục và Recycling - Tái chế. Tiếp đó, Pearce và Turner (1990) tiếp cận KTTH từ góc nhìn mới, khác với nền kinh tế tuyến tính (KTTT) truyền thống, khi định nghĩa nền KTTH là mô hình kinh tế dựa trên nguyên lý cơ bản là mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác.

Quỹ Ellen MacArthur (2012) định nghĩa KTTH là một hệ thống có tính khôi phục và tái tạo thông qua các kế hoạch và thiết kế chủ động; thay thế khái niệm kết thúc vòng đời của vật liệu bằng khái niệm khôi phục, chuyển dịch theo hướng sử dụng năng lượng tái tạo, không dùng các hóa chất độc hại gây tổn hại tới việc tái sử dụng, hướng tới giảm thiểu các chất thải. Đây là cách tiếp cận được dùng rộng rãi.

Iacovidou và cộng sự (2021) khẳng định nền KTTH thân thiện với môi trường, đồng thời mở ra cơ hội cho các hoạt động sáng tạo và đổi mới. Lin (2020) nhấn mạnh điều đó càng được thúc đẩy từ các hoạt động tái chế và tạo ra những nguyên vật liệu mới phù hợp với các hoạt động tiêu dùng và sản xuất mới trong nền KTTH bởi rác thải không phải là vô giá trị. Hơn thế, các quy trình khép kín của nền KTTH sẽ giúp giảm tổn thất khi các nguyên vật liệu bị đốt hay chôn lấp (O'Connor, 2021) bằng cách làm chậm, khép kín, tăng cường, thu hẹp và phi vật chất các nguồn tài nguyên (Geissdoerfer và cộng sự, 2017). Việc xử lý các chất thải của nền KTTT không hiệu quả bằng các chu trình đóng của nền KTTH (Silva & Sehnem, 2022).

Tóm lại, KTTH là mô hình kinh tế nhằm kéo dài thời gian sử dụng nguồn nguyên liệu, tăng năng suất của các tài nguyên và loại bỏ những tác động tiêu cực đến môi trường cũng như sức khỏe con người (Huong, 2019). Đây là một chu trình khép kín, các tài nguyên được tận dụng hoặc tái sử dụng để quay trở lại làm nguyên liệu đầu vào sản xuất với mô hình 3R (gồm: Reduce - Tiết giảm, Reuse - Tái sử dụng và Recycle - Tái chế) (Manickam & Duraisamy, 2018), mô hình 6R+ (gồm: Rethink - Thay đổi

tư duy, Refuse - Từ chối, Reduce - Tiết giảm, Reuse - Tái sử dụng, Repair - Sửa chữa và Recycle - Thay thế) (Chalmers University of Technology, 2019), mô hình 10R (gồm: Refuse - Từ chối, Rethink - Thay đổi tư duy, Reduce - Tiết giảm, Reuse - Tái sử dụng, Repair - Sửa chữa, Refurbish - Tân trang, Remanufacture - Tái sản xuất, Repurpose - Thay đổi mục đích, Recycle - Tái chế, Recover - Phục hồi) (Kirchherr và cộng sự, 2017) hoặc mô hình 11R (gồm: Refuse - Từ chối, Rethink - Thay đổi tư duy, Reduce - Tiết giảm, Reuse - Tái sử dụng, Repair - Sửa chữa, Refurbish - Tân trang, Remanufacture - Tái sản xuất, Repurpose - Thay đổi mục đích, Recycle - Tái chế, Recover - Phục hồi, và Redevelop - Tái xây dựng) (Hu & Lei, 2016).

2.1.2. Sự cần thiết chuyển đổi từ nền kinh tế tuyến tính sang nền kinh tế tuần hoàn

Việc chuyển sang KTTH tại các quốc gia là giải pháp hữu hiệu nhất để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững (Neves & Marques, 2022) và giải quyết các vấn đề tồn tại sau:

Thứ nhất, nhu cầu hàng hóa và nguyên liệu sản xuất ngày càng tăng cao do dân số tăng nhanh. Geng và cộng sự (2019) dự báo nhu cầu nguyên vật liệu toàn cầu tăng gấp đôi vào năm 2050. Nếu theo quy trình của nền KTTT, để đáp ứng nhu cầu gia tăng, sẽ cần tăng cường khai thác nguyên liệu từ tự nhiên để gia tăng sản xuất. Các sản phẩm sẽ chỉ thỏa mãn một mục đích duy nhất và bị thải ra môi trường khi kết thúc vòng đời (Cerqueira và cộng sự, 2021). Tăng khai thác sẽ gây cạn kiệt tài nguyên chung, đặc biệt đối với nhóm có thời gian tái tạo rất dài hoặc không thể tái tạo như than đá, dầu mỏ, khí đốt (Udeagha & Ngepah, 2022).

Thứ hai, nhiều quốc gia có nguồn tài nguyên hạn chế, buộc phải phụ thuộc vào các nước khác, dễ rơi vào khủng hoảng khi xảy ra bất ổn trên thế giới. Chẳng hạn, sự gia tăng căng thẳng giữa Nga và Ukraine đã làm giá lúa mì tăng hơn 40% trong vòng 1 tuần (từ ngày 28/2 đến ngày 6/3/2022) vì 2 quốc gia này chiếm khoảng 30% nguồn cung lúa mì xuất khẩu toàn thế giới năm 2021 (Nhandan.vn, 2022). Đồng thời, trong thời gian này, giá của các loại nguyên liệu khác cũng tăng nhanh như dầu thô, khí đốt, đồng, nhôm, niken.

Thứ ba, lượng rác thải ra môi trường ngày càng tăng do hoạt động sản xuất hàng hóa. Khi cộng gộp với rác thải tạo ra từ hoạt động

phát triển kinh tế trong những thập niên trước theo nền KTTT (Magazzino và cộng sự, 2021), lượng rác thải lớn sẽ dẫn đến biến đổi khí hậu cực đoan, khó dự đoán (Wasti và cộng sự, 2022).

Cuối cùng, KTTH giúp thúc đẩy, tạo động lực cho các doanh nghiệp và các nhà khoa học đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất nhằm tái sử dụng tối đa nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất ra những sản phẩm có thể đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng nhưng vẫn dễ dàng quay lại quy trình sản xuất (Lin, 2020).

2.2. Lợi ích của nền kinh tế tuần hoàn

Có thể thấy nguyên lý của nền KTTH khác hoàn toàn và có nhiều lợi ích khi so sánh với nền KTTT phổ biến trước đây.

2.2.1. Đối với các quốc gia

Nền KTTH giúp các quốc gia phát triển kinh tế bền vững, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguyên liệu đầu vào, góp phần giảm tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và biến đổi khí hậu. Hơn nữa, việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên vật liệu sẽ làm giảm chi phí chung. Ngoài ra, việc phát triển kinh tế bền vững sẽ giúp tạo ra nhiều việc làm hơn. Perchard (2015) dự báo nền KTTH sẽ giúp tạo ra thêm 3 triệu việc làm và giảm 520 nghìn người thất nghiệp tại các nước thành viên Liên minh Châu Âu vào năm 2030. Nền KTTH sẽ giúp sử dụng nhiều lao động hơn nhưng ít tài nguyên hơn, tăng hiệu quả trong hoạt động kinh tế.

2.2.2. Đối với xã hội, môi trường

Nền KTTH góp phần giảm lượng chất thải vào môi trường. Trong báo cáo của McKinsey & Company (2015), phát triển nền KTTH có thể giúp giảm khoảng 48% lượng khí CO₂ thải ra môi trường qua các hoạt động vận chuyển, xây dựng vào năm 2030, và giảm đến 83% đến năm 2050. Hơn nữa, nền KTTH giúp giảm sử dụng các nguyên liệu thô đầu vào, giảm diện tích cần thiết dùng để chôn lấp rác thải, giảm tình trạng suy thoái đất và chi phí xử lý rác trên thế giới. Chẳng hạn, Vương quốc Anh có thể giảm phát khí thải nhà kính đến 7,4 triệu tấn mỗi năm bằng cách loại bỏ các chất thải hữu cơ ra khỏi các bãi chôn lấp, từ đó giảm những tác

động tiêu cực từ ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

2.2.3. Đối với các doanh nghiệp

Nền KTTH giúp các doanh nghiệp giảm chi phí và tránh những bất ổn về giá bởi sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, nền KTTH đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư vào nghiên cứu, tạo ra các vật liệu mới. Nền KTTH sẽ tạo ra những cơ hội kinh doanh mới như dịch vụ hậu cần thu gom và hỗ trợ các sản phẩm tái chế, dịch vụ tiếp thị và bán hàng nhằm kéo dài tuổi thọ của sản phẩm, dịch vụ tái sản xuất và làm mới sản phẩm.

Những lợi ích trên cho thấy việc áp dụng mô hình KTTH mang lại nhiều lợi ích cho kinh tế, xã hội, môi trường và các doanh nghiệp. Áp dụng và thúc đẩy phát triển nền KTTH sẽ mang lại 4,5 nghìn tỷ USD lợi ích kinh tế toàn cầu đến năm 2030 (Hùng, 2022). Điều đó cho thấy sự cần thiết phải chuyển đổi từ nền KTTT sang nền KTTH.

3. Bài học về chính sách thực hiện chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn

Phát triển bền vững là xu hướng tất yếu trên thế giới, đặc biệt trong tình hình tài nguyên ngày càng cạn kiệt và chuỗi cung ứng bị đứt gãy. Các quốc gia trên thế giới như Thụy Điển, Anh, Pháp, Canada, Hà Lan, Thụy Sĩ đã tiên phong trong việc phát triển nền KTTH, vốn gắn chặt với phát triển bền vững. KTTH hoạt động dựa trên 4 mức độ là hàng hóa, doanh nghiệp, mạng lưới và chính sách. Tại châu Á, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản là những quốc gia tiên phong và có các chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy nhanh chóng quá trình chuyển đổi đó.

3.1. Trung Quốc

Sau một thời gian dài công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nền kinh tế Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng và quốc gia này cũng trở thành một trong những quốc gia có lượng rác thải lớn nhất thế giới. Trung Quốc cần đến 2,5kg nguyên liệu thô để tạo ra 1 USD GDP, trong khi các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế chỉ sử dụng 0,54kg, bằng khoảng 1/5 (Review of Finance, 2019). Năm 2014, Trung Quốc thải ra 3,2 tỷ tấn chất thải rắn công nghiệp, nhưng chỉ có 2 tỷ tấn trong đó được tái chế. Từ thập niên 1990, Trung Quốc

bắt đầu chú trọng phát triển nền KTTH. Đến năm 2004, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc đưa ra chiến lược phát triển nền KTTH và các chính sách thực hiện, bao gồm: thủ tục hành chính, các dự án thí điểm, các công cụ kinh tế được sử dụng, nghiên cứu và phát triển, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, các chỉ số hiệu suất, cơ chế tài chính, giáo dục và đào tạo.

Từ năm 2008, Trung Quốc đã thông qua dự luật nhằm giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế rác thải cũng như các phế phẩm công nghiệp. Chính phủ đầu tư vào các dự án, các chính sách ưu đãi thuế và cấp phép ngành công nghiệp bán nước thải tương đối sạch. Đến năm 2009, Trung Quốc ban hành Luật Thúc đẩy nền KTTH với một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi nhanh chóng như:

Thứ nhất, doanh nghiệp Trung Quốc có thể hưởng chính sách thuế ưu đãi (miễn hoặc hoàn lại một phần thuế giá trị gia tăng đầu vào) nhằm tăng khả năng nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu sử dụng tiết kiệm năng lượng. Các doanh nghiệp mua và sử dụng những thiết bị trong danh mục bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và sản xuất an toàn có thể được giảm 10% thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên giá trị thiết bị. Đối với các doanh nghiệp sử dụng nước thải, khí thải hoặc chất thải rắn làm nguyên liệu chính dùng để sản xuất thì được giảm hoặc miễn thuế trong thời gian nhất định.

Thứ hai, các dự án thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu, điện, nước... cũng được hỗ trợ các khoản vay ưu đãi và dịch vụ tài chính.

Thứ ba, các doanh nghiệp chuyển đổi từ mô hình kinh tế truyền thống sang KTTH được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí chuyển đổi 10%. Chính sách này hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua những khó khăn ban đầu khi chuyển sang nền KTTH nhằm tạo ra sự khác biệt, có được nguồn thu mới cũng như hạn chế rủi ro.

Thứ tư, chính quyền áp dụng các chính sách hạn chế về giá cả đối với những sản phẩm sử dụng nhiều tài nguyên, mục đích nhằm định hướng cho các doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên.

Thứ năm, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ khuyến khích người dân và doanh nghiệp đưa ra các giải pháp nhằm tạo ra các sản phẩm thân thiện với môi trường, giúp nâng cao nhận thức của người dân về nền KTTH.

Năm 2017, để thực hiện Chương trình chính sách KTTH, Trung Quốc đã xây dựng 3 khâu nhằm phát triển nền KTTH: vòng tuần hoàn nhỏ (thực hiện ở quy mô nhỏ, các nhà máy và khu công nghiệp), vòng tuần hoàn vừa (mở rộng quy mô hơn) và vòng tuần hoàn lớn (thực hiện trên toàn bộ nền kinh tế). Các hoạt động đó dự kiến giúp các doanh nghiệp và gia đình tại Trung Quốc tiết kiệm đến 4,6 nghìn tỷ USD, hay 14% tổng sản phẩm quốc nội vào năm 2030. Bên cạnh đó, các khu công nghiệp KTTH còn giúp giảm khoảng 14 triệu tấn khí thải nhà kính trong năm 2016 bằng cách tái chế nhựa.

3.2. Hàn Quốc

Công nghiệp hóa là một trong những điểm nhấn quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Hàn Quốc trong thế kỷ XX-XXI, tuy nhiên nó cũng góp phần làm tăng đáng kể lượng khí thải nhà kính. Chỉ trong vòng hơn 20 năm, lượng khí thải nhà kính của Hàn Quốc đã tăng gấp đôi từ 295,6 triệu tấn năm 1990 lên 688,3 triệu tấn năm 2012 (The United Nations Framework Convention on Climate Change, 2014). Điều này tạo động lực cho Hàn Quốc đẩy mạnh chuyển đổi sang nền KTTH để phát triển bền vững hơn. Serzhena (2019) chỉ ra Hàn Quốc đã thực hiện 5 nhóm chính sách nhằm thực hiện và thúc đẩy quá trình chuyển đổi, trong đó tập trung vào cắt giảm lượng khí thải nhà kính, cụ thể:

Thứ nhất, hệ thống quản lý mục tiêu được đặt ra nhằm cắt giảm lượng khí thải nhà kính của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tại Hàn Quốc. Các doanh nghiệp buộc phải báo cáo lượng khí thải nhà kính cho bộ phận giám sát. Dựa trên báo cáo này, bộ phận giám sát và Trung tâm Nghiên cứu và Kiểm soát Khí nhà kính sẽ đưa ra các mức cắt giảm lượng khí thải. Việc kiểm tra sự tuân thủ của các doanh nghiệp do bên thứ ba đảm nhận. Chính sách này làm giảm đáng kể lượng khí thải nhà kính ra môi trường, giúp giảm khoảng 21,3 triệu tấn khí CO₂ năm 2012, tương đương khoảng 3,8% lượng khí thải ra môi trường, gấp gần 3 lần mục tiêu đặt ra là 8 triệu tấn.

Thứ hai, chương trình hiệu quả nguồn lực nhằm giảm lượng tài nguyên sử dụng và lượng khí thải nhà kính. Chương trình khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất và

sử dụng nguyên vật liệu đầu vào cũng như nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, khuyến khích sử dụng các sản phẩm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu.

Thứ ba, chương trình năng lượng tái tạo nhằm ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo thay thế các loại năng lượng hóa thạch, đặc biệt chú trọng phát triển năng lượng từ chất thải. Theo thống kê của Statista (2021), Hàn Quốc là một trong 10 quốc gia tiêu thụ năng lượng nhiều nhất thế giới năm 2020, đồng thời thuộc nhóm quốc gia dẫn đầu về nhập khẩu năng lượng trên thế giới (US Energy Information Administration, 2020).

Thứ tư, chương trình công nghệ tái chế nhằm làm giảm tỷ trọng của các ngành công nghiệp sử dụng nhiều nguyên vật liệu bằng cách phát triển công nghệ tái chế. Trụ cột công nghiệp Hàn Quốc là các ngành công nghiệp nặng, sử dụng nhiều tài nguyên như luyện kim, dầu khí, xi măng, do đó việc thúc đẩy phát triển công nghệ tái chế sẽ làm giảm lượng chất thải, kim loại nặng ra môi trường.

Thứ năm, hệ thống giao dịch khí thải ban hành quy định khối lượng khí thải nhà kính mà các doanh nghiệp được thải ra, đồng thời cho phép họ giao dịch hạn ngạch khí thải trên sàn giao dịch. Mua bán hạn ngạch khí thải cũng trở thành cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp tại Hàn Quốc.

Ngoài ra, Chính phủ Hàn Quốc còn ban hành một số quy định khác như quy định về loại bỏ chất thải thực phẩm và tiêu chuẩn thu gom chất thải. Người dân phải trả thêm tiền nếu lượng chất thải vượt quá khối lượng cho phép. 95% chất thải thực phẩm được tái chế thành phân hữu cơ, thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón, còn các chất lỏng ép ra từ rác thải sẽ dùng để sản xuất khí hoặc dầu sinh học.

3.3. Nhật Bản

Giống như Trung Quốc và Hàn Quốc, việc phát triển kinh tế - xã hội tại Nhật Bản đã làm gia tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên và xả thải. Việc thiếu diện tích chứa chất thải buộc Nhật Bản phải sử dụng phương án đốt rác tạm thời, nhưng việc này càng làm tăng lượng khí thải ô nhiễm, gây ra một số bệnh ngoài da cho người dân. Vì vậy, Nhật Bản bắt đầu chuyển sang nền KTTH để phát triển kinh tế bền vững hơn. Quốc gia này đã ban hành nhiều luật nhằm phát triển

kinh tế xanh và xây dựng nền KTTH, trong đó có 3 nhóm chính sách chủ yếu:

Thứ nhất, xây dựng các chỉ số đánh giá nền KTTH như chỉ số tỷ lệ sử dụng hiệu quả tài nguyên trên một đơn vị GDP, chỉ số tái sử dụng nguyên liệu trên tổng số nguyên liệu được sử dụng trong nền kinh tế và chỉ số đo lường chất thải chôn lấp.

Thứ hai, đẩy mạnh kết hợp hài hòa các hoạt động công nghiệp cơ bản và công nghiệp hỗ trợ. Trong đó, các hoạt động công nghiệp cơ bản gồm sử dụng nguyên vật liệu sản xuất, phân phối, tiêu dùng và thải ra môi trường. Các hoạt động này nhằm tối thiểu hóa lượng chất thải ra môi trường.

Thứ ba, Chính phủ, doanh nghiệp sản xuất và người tiêu dùng phối hợp chặt chẽ với nhau góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền KTTH tại Nhật Bản. Trong đó, Chính phủ đóng vai trò đưa ra khung pháp lý cho việc thúc đẩy tái chế nguyên liệu, các doanh nghiệp đóng vai trò tái chế chất thải và sản xuất các sản phẩm có vòng đời dài, còn người tiêu dùng có vai trò phân loại các nguồn nguyên liệu tái chế.

Việc phát triển nền KTTH giúp Nhật Bản tiết kiệm nhiều nguyên vật liệu, chất thải, năng lượng và khí thải. Năm 2019, việc tái sử dụng rác thải công nghiệp và rác thải đô thị trong sản xuất xi măng đã giúp giảm khoảng 15% lượng khí thải nhà kính (khoảng 41.300 tấn/năm) và tiết kiệm khoảng 272.000 tấn vật liệu thô hàng năm.

4. Sự phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong thời gian qua và một số gợi ý

4.1. Sự phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

Sau hơn 35 năm đổi mới và phát triển, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, cũng giống với nhiều quốc gia, Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức về cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... Do đó, việc chuyển đổi mô hình từ nền KTTT sang nền KTTH là rất quan trọng và được ưu tiên trong giai đoạn phát triển mới, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững cũng như thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết tham gia.

Nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước được ban hành đã hướng đến phát triển kinh tế một cách bền vững như Chỉ thị số 36/1998/CT-TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó đẩy mạnh việc hỗ trợ ứng dụng các công nghệ sạch, sử dụng ít nguyên liệu. Năm 2016, Chính phủ ban hành Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Năm 2017, Đề án “Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2035” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm hình thành các ngành công nghiệp môi trường, đáp ứng nền KTTH. Năm 2020, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nhấn mạnh ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, phát triển các nhà máy điện sử dụng tác thải, chất thải để bảo vệ môi trường và phát triển nền KTTH. Năm 2021, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định chủ trương “xây dựng nền kinh tế xanh, KTTH, thân thiện với môi trường”, đồng thời “xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình KTTH”. Ngoài ra, còn một số luật và chính sách khác có liên quan cũng đã được ban hành như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Bên cạnh đó, việc phát triển nền KTTH nhận được sự ủng hộ từ người dân cũng như doanh nghiệp. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phát triển của khoa học là cơ hội lớn để tìm ra các giải pháp và nâng cao việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu nhưng vẫn đảm bảo mang lại hiệu quả kinh tế cao. Điều này sẽ giúp giảm tình trạng thiếu hụt tài nguyên, ô nhiễm môi trường từ các loại chất thải, đặc biệt là chất thải nhựa. Theo báo cáo của World Bank (2022), Việt Nam thải ra môi trường khoảng 2,8 đến 3,1 triệu tấn chất thải nhựa mỗi năm; khoảng 71% trong khoảng 61.000 tấn chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày được xử lý bằng phương pháp chôn lấp. Từ năm 2015, Việt Nam đã phải nhập khẩu than đá sau nhiều năm xuất khẩu trước đó, và dự báo đến năm 2030 có thể phải nhập khẩu 100 triệu tấn than mỗi năm. Những điều này đã đặt ra yêu cầu cho các

doanh nghiệp phải đổi mới mô hình kinh doanh, công nghệ để vừa tiếp tục phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh vừa đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, giảm lượng chất thải, khí thải ra môi trường.

4.2. Một số gợi ý chính sách đối với Việt Nam nhằm thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn

Trong thời gian qua, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã giúp Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tuy nhiên, việc phát triển theo hướng truyền thống, sử dụng lượng lớn tài nguyên thiên nhiên vào hoạt động sản xuất đã dẫn đến các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu. Vì vậy, văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã định hướng “xây dựng nền KTTH, thân thiện với môi trường” giai đoạn 2021-2030. Để đạt được mục tiêu đề ra, Nhà nước cần xây dựng khung pháp lý phù hợp, chi tiết và thực hiện một cách đồng bộ. Từ một số chính sách của các quốc gia châu Á, bài viết đề xuất một số gợi ý chính sách sau:

Thứ nhất, xây dựng khung pháp lý rõ ràng, cụ thể, chi tiết cho các hoạt động của nền KTTH. Có thể thấy, tại các quốc gia thực hiện tốt việc chuyển đổi và phát triển nền KTTH, Nhà nước luôn đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt và kiến tạo, giúp các doanh nghiệp và người tiêu dùng hiểu rõ được vai trò và trách nhiệm của mình trong hoạt động của nền KTTH. Do đó, Nhà nước cần ban hành các luật cũng như các chính sách ưu đãi, cơ chế khuyến khích, chế tài xử phạt rõ ràng, minh bạch cho các hoạt động của nền KTTH.

Thứ hai, xây dựng chiến lược, kế hoạch định hướng cụ thể cho việc phát triển nền KTTH. Kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới cho thấy, việc xây dựng và phát triển nền KTTH cần phải trải qua một thời gian dài. Vì vậy, việc xây dựng lộ trình và định hướng rất cần thiết cho từng giai đoạn nhỏ, đồng thời cũng cho thấy rõ vai trò, nhiệm vụ của các bên liên quan.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, kỹ thuật đóng vai trò cốt lõi trong việc phát triển nền KTTH. Bởi vì điều đó đóng vai trò chủ yếu trong hoạt động thu hồi, tái chế, tái sử dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu và giảm bớt chất thải ra môi

trường, đặc biệt trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ tư, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nền KTTH tại Việt Nam nhằm giúp quản lý tập trung các thông tin quan trọng, mức độ tuân hoàn của nền KTTH, từ đó Nhà nước có thể ban hành, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, quy định phục vụ cho việc quản lý KTTH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

5. Kết luận

Nền KTTH là xu hướng tất yếu của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam đã đưa việc xây dựng nền KTTH vào định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030. Trên cơ sở làm rõ khái niệm nền KTTH cũng như những lợi ích đối với quốc gia, xã hội - môi trường và doanh nghiệp khi áp dụng KTTH, đồng thời phân tích các chính sách thực hiện chuyển đổi sang nền KTTH tại các quốc gia điển hình ở châu Á, bài viết đã đưa ra một số đề xuất chính sách cho Việt Nam trong thời gian tới. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi, bài viết nhấn mạnh Việt Nam cần xây dựng khung pháp lý, xây dựng chiến lược kế hoạch định hướng cho việc phát triển, đẩy mạnh phát triển khoa học kỹ thuật và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nền KTTH.

Tài liệu tham khảo

- Atasu, A., Subramanian, R., & Bansal, S. (2021). The circular business model. *Harvard Business Review*. <https://hbr.org/2021/07/the-circular-business-model>
- Chalmers University of Technology. (2019). *Production in a circular economy*. <https://www.chalmers.se/en/areas-of-advance/production/research/sustainable-production/Pages/default.aspx>
- US Energy Information Administration. (2020). *Overview*. <https://www.eia.gov/international/analysis/country/KOR>
- Ellen MacArthur Foundation. (2012). *Towards a circular economy: Business rationale for an accelerated transition*. <https://ellenmacarthurfoundation.org/towards-a-circular-economy-business-rationale-for-an-accelerated-transition>
- McKinsey & Company. (2015). *Growth within: A circular economy vision for a competitive Europe*. <https://www.mckinsey.com/capabilities/sustainability/ourinsights/growth-within-a-circular-economy-vision-for-a-competitive-europe>
- Geissdoerfer, M., Savaget, P., Bocken, N. M. P., & Hultink, E. J. (2017). The circular economy – A new sustainability paradigm? *Journal of Cleaner Production*, 143, 757-768. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2016.12.048>
- Geng, Y., Sarkis, J., Ulgiati, S., & Zhang, P. (2019). How to globalize the circular economy. *Nature*. <https://www.nature.com/articles/d41586-019-00017-z>
- Hung, L. (2022). Circular economy economic growth is expected to bring in 4.5 thousand billion USD by 2030. *Nature and Environment Electronic Magazine*. <https://thiennhienmoitruong.vn/kinh-te-tuan-hoan-co-the-mang-lai-4-5-nghin-ty-usd-vao-nam-2030.html>
- Hu, R., & Lei, Z. (2016). A review of the circular economy and its implementation. *Renewable and Sustainable Energy Reviews*, 475-482. <https://doi.org/10.1016/j.rser.2016.04.110>
- Kirchherr, J., Reike, D., & Hekkert, M. (2017). Conceptualizing the circular economy: An analysis of 114 definitions. *Resources, Conservation and Recycling*, 127, 221-232. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2017.09.005>
- Mai, T. (2022). Commodity price galloped higher, oil price has reached 140 USD/barrel. *Nhan Dan Newspaper*. <https://nhandan.vn/da-tang-phi-ma-cua-gia-hang-hoa-chua-dung-lai-gia-dau-cham-moc-140-usdthung-post688224.html>
- World Bank. (2022). *Analyzing Plastic Pollution in Vietnam*. <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099731506282258321/p167307016be7609b087c101a167c06027a>
- Pearce, D., & Turner, R. (1990). *Economics of natural resources and the environment*. Harvester Wheatsheaf.
- Serzhena, T. (2019). The circular economy in South Korea: The case of Samsung. *Hungarian Agricultural Engineering*, 36, 75-80. <https://doi.org/10.17676/HAE.2019.36.75>
- Statista (2021). *Primary energy consumption of selected countries*. <https://www.statista.com/statistics/263455/primary-energy-consumption-of-selected-countries/>
- Lan, N. T. P. (2018). Circular economy towards sustainable development in Vietnam. *Communist Review*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/825071/kinh-te-tuan-hoan-huong-toi-phat-trien-ben-vung-o-viet-nam.aspx>
- Dap, N. D. (2021) Circular economy: Theoretical and practical issues. *Banking Review*. <https://tapchinganhang.gov.vn/kinh-te-tuan-hoan-nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien.htm>
- Quy, N. H. (2021). Developing circular economy in some countries worldwide and recommendations

- for Viet Nam. *State Management Review* <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/10/14/that-trien-kinh-te-tuan-hoan-tai-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-va-kinh-nghiem-cho-viet-nam/>
- Phong, V. Q. (2022). Experiences in developing circular economy in the world and proposals for Vietnam. *Review of Finance*. <https://tapchitaichinh.vn/kinh-nghiem-that-trien-kinh-te-tuan-hoan-tren-the-gioi-va-kinh-nghi-doi-voi-viet-nam.html>
- The United Nations Framework Convention on Climate Change. (2014). *First biennial update report of the Republic of Korea*. Greenhouse Gas Inventory & Research Center of Korea.
- Review of Finance. (2019). *Developing circular economy and precedented criteria for transformation in Vietnam*. <https://tapchitaichinh.vn/kinh-nghiem-xay-dung-nen-kinh-te-tuan-hoan-va-cac-dieu-kien-de-chuyen-doi-o-viet-nam.html>
- Huong, L. T. (2019). Research on the application propability of circular economy to support enviroment protecting activities in Vietnamese industrial manufacturer. *Research Program*. Environmental Science Institue, Vietnam Environment Administration.
- Silva, T. H. H. D., & Sehnem, S. (2022). The circular economy and industry 4.0: Synergies and challenges. *Revista de Gestão*, 29(3), 300-313. <https://doi.org/10.1108/REG-01-2022-0012>
- Iacovidou, E., Millward-Hopkins, J., Busch, J., & Roberts, K. (2021). A systems thinking approach to understanding the challenges of achieving the circular economy. *Environmental Science and Pollution Research*, 28, 24785-24806. <https://doi.org/10.1007/s11356-020-11725-9>
- Magazzino, C., Mele, M., Schneider, N., & Cerutti, A. K. (2021). Waste generation, wealth and GHG emissions from the waste sector: Is Denmark on the path towards circular economy? *Science of the Total Environment*, 755, 142510. <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2020.142510>
- Neves, S. A., & Marques, A. C. (2022). Drivers and barriers in the transition from a linear economy to a circular economy. *Journal of Cleaner Production*, 341, 130865. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2022.130865>
- O'Connor, G. (2021). Shifting the value of food and organic waste management in the food services sector in Brisbane, Australia. *Resources, Conservation & Recycling Advances*, 12, 200052. <https://doi.org/10.1016/j.rcradv.2021.200052>
- Udeagha, M. C., & Ngepah, N. (2022). Disaggregating the environmental effects of renewable and non-renewable energy consumption in South Africa: Fresh evidence from the novel dynamic ARDL simulations approach. *Economic Change and Restructuring*, 55, 1767-1814. <https://doi.org/10.1007/s10644-021-09377-7>
- Wasti, A., Gokmenoglu, K. K., & Alotaibi, A. M. (2022). Climate change and the hydropower sector: A global review. *Wiley Interdisciplinary Reviews: Climate Change*, 13(2), e757. <https://doi.org/10.1002/wcc.757>
- Lin, B. C. A. (2020). Sustainable growth: A circular economy perspective. *Journal of Economic Issues*, 54(2), 465-471. <https://doi.org/10.1080/00213624.2020.1757260>